

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HS-ST

Ngày: 07-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Bà Đào Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ H Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc T; sinh năm 1981; nơi sinh, đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố V, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Ngọc T và bà Đỗ Thị H (đều đã chết); gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1983; có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/01/2013 Công an huyện V xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc”; ngày 25/9/2015 Công an huyện V xử phạt hành chính 2.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/6/2019 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định (có mặt).

2. Họ và tên: Bùi Đức H; sinh năm 1993; nơi sinh, đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 3, H, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

con ông Bùi Đức N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/6/2019 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị NLQ, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị NLC1; sinh năm 1995; địa chỉ: Đội 5, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

2. Anh NLC2; sinh năm 1986; địa chỉ: Phố Đoài, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

3. Ông NLC3; sinh năm 1960; địa chỉ: Số 659 Trường Chinh, phường H thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

4. Anh NLC4; sinh năm 1970; địa chỉ: Số 38/659 Trường Chinh, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2018 vợ chồng Trần Ngọc T và NLQ thuê nhà của gia đình ông Nguyễn Văn Q, tại đường 10 thuộc thôn Nhì, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên. Sau khi thuê được nhà, vợ chồng T - Huệ đã sửa lại và xây dựng mới 08 phòng nghỉ với mục đích kinh doanh nhà nghỉ, lấy biển hiệu là “Sao Mai”, mọi thủ tục đăng ký kinh doanh đều do NLQ đứng tên. Đến tháng 3/2019 thì vợ chồng T - Huệ bắt đầu kinh doanh dịch vụ nghỉ, lưu trú. Do bận chăm sóc con đang ăn học tại thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản nên Huệ giao lại toàn bộ việc trông coi, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh nhà nghỉ cho chồng làm. Khoảng cuối tháng 5/2019, Trần Ngọc T thuê Bùi Đức H làm lễ tân, dọn dẹp tại nhà nghỉ với mức lương 3.000.000đ/01 tháng và bảo H kiếm nhân viên về làm cho T. Do H quen biết với NLC1 sinh năm 1995, trú tại đội 5, xã Mai Hịch, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, là gái mại dâm từng làm ở khu du lịch Quất Lâm huyện Giao Thủy, nên ngày 3/6/2019 H dẫn NLC1 đến giới thiệu cho Trần Ngọc T làm gái mại dâm, được T đồng ý và cho ăn, nghỉ luôn tại nhà nghỉ. Trần Ngọc T thỏa thuận với NLC1 mỗi lần bán dâm nhanh tại nhà nghỉ “Sao Mai”, T thu của khách 300.000 đồng/01 lần và trả cho Thúy 150.000 đồng, mỗi lần bán dâm qua đêm T thu của khách là 1.200.000 đồng/01 lần và trả cho Thúy 500.000 đồng, số tiền còn lại T được hưởng. Từ ngày 4/6/2019 T bắt đầu bố trí sắp xếp cho Thúy bán dâm tại nhà nghỉ

Sao Mai, mỗi lần Thúy bán dâm T đều ghi chép vào một quyển sổ tay để theo dõi, bản thân Thúy cũng ghi chép vào quyển sổ tay của Thúy để theo dõi và đối chiếu. Khi có khách T thỏa thuận giá cả và thu tiền còn Bùi Đức H giúp T việc sắp xếp phòng nghỉ và gái mại dâm cho khách quan hệ tình dục. Khi T đi vắng thì H sẽ đứng ra thay T thỏa thuận giá cả, thu tiền của khách rồi bố trí phòng nghỉ và gái mại dâm cho khách mua dâm, số tiền thu được H giao lại cho T quản lý.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/6/2019 NLC2 sinh năm 1986, trú tại Phố Đoàn, thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đến đặt vấn đề với T và H về việc tìm gái mại dâm để quan hệ tình dục, T đồng ý, Phong có hỏi “vé bao nhiêu” thì T trả lời “vé 300.000 đồng”, Phong gọi một lon nước uống, đồng thời đưa cho T số tiền 510.000 đồng để T toán tiền mua dâm và tiền nước, T trả lại cho Phong 200.000 đồng tiền thừa. Sau đó T bảo H bố trí, sắp xếp phòng và gái mại dâm để cho Phong quan hệ tình dục. H bố trí Thúy và Phong vào phòng 104 của nhà nghỉ để quan hệ tình dục. Đến khoảng 12 giờ 40 phút thì có NLC3 sinh năm 1960, trú tại 659 đường Trường Chinh, phường Hạ Long, thành phố Nam Định cùng với NLC4 sinh năm 1970, trú tại 38/659 đường Trường Chinh, phường Hạ Long, thành phố Nam Định đến đặt vấn đề với T tìm gái mại dâm để quan hệ tình dục. Dũng hỏi bao nhiêu tiền một vé, T trả lời 300.000 đồng một vé, Dũng đưa cho T 1.000.000đ để T toán tiền mua dâm cho Dũng và Sáu, T cầm và trả lại cho Dũng 400.000đ tiền thừa. Sau khi Phong quan hệ tình dục xong đi ra ngoài ngồi uống nước, T bảo H bố trí phòng và gái mại dâm cho Dũng và Sáu. H bố trí cho Dũng vào phòng 106 và Sáu vào phòng 104; sau đó H gọi Thúy vào phòng 106 để quan hệ tình dục với Dũng và dặn Thúy khi nào xong thì tiếp tục sang phòng 104 để bán dâm tiếp cho Sáu. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày khi Dũng và Thúy đang quan hệ tình dục tại phòng 106 nhà nghỉ “Sao Mai” thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công tỉnh Nam Định kiểm tra, phát hiện lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng với Trần Ngọc T, Bùi Đức H và NLC4 đang nằm trong phòng 104 chờ bố trí gái mại dâm. Tiến hành khám xét khẩn cấp thu giữ được hai quyển sổ của T và Thúy dùng theo dõi số lần mua bán dâm tại nhà nghỉ.

Tại Cơ quan điều tra Trần Ngọc T và Bùi Đức H đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu trên. Quá trình điều tra T khai từ ngày 04/6/2019 đến ngày 06/6/2019 T đã bố trí sắp xếp cho Thúy bán dâm tổng cộng 15 lần (trong đó 14 lần bán dâm nhanh và 01 lần bán dâm qua đêm) tổng số tiền T đã thu được từ việc bố trí cho Thúy bán dâm là 5.400.000 đồng, lời khai của T phù hợp với lời khai của gái bán dâm NLC1, đồng thời phù hợp với kết quả kiểm tra trên hai quyển sổ ghi chép số lần bán dâm của Thúy tại nhà nghỉ “Sao Mai”.

Bản Cáo trạng số 68/CT-VKSND-P2 ngày 21/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trần Ngọc T và đồng phạm về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để các bị cáo sớm được trở lại với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi phân tích đánh giá vị trí vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả 2 bị cáo, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 36 tháng đến 39 tháng tù; bị cáo Bùi Đức H từ 33 tháng đến 36 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền bị cáo T từ 10-15 triệu đồng, bị cáo H từ 5-7 triệu đồng sung quỹ Nhà nước, đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS để xử lý vật chứng trả lại 3 chiếc điện thoại di động, số tiền thu được của bị cáo T và hợp đồng thuê nhà cho các bị cáo, đề nghị tuyên tịch thu tiêu huỷ các vật chứng còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 04/6/2019 đến ngày 06/6/2019, lợi dụng việc kinh doanh nhà nghỉ “Sao Mai” tại đường 10 thôn Nhì, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, Bùi Ngọc T đã nuôi gái mại dâm NLC1 để bố trí bán dâm cho khách có nhu cầu mua dâm tại nhà nghỉ để thu lợi bất chính, đồng thời T thuê Bùi Đức H làm lễ tân dọn dẹp nhà nghỉ và giúp T trong việc bố trí, sắp xếp phòng nghỉ và gái mại dâm cho khách đến mua dâm. Chiều

ngày 06/6/2019 T và H đã bố trí sắp xếp cho khách mua dâm là NLC2 mua bán dâm với gái bán dâm xong, tiếp tục bố trí sắp xếp cho Thúy bán dâm cho NLC3 và NLC4 thì Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang. Kết quả quá trình điều tra xác định T và H đã bố trí, sắp xếp cho gái mại dâm Thúy bán dâm tổng cộng 15 lần tại nhà nghỉ “Sao Mai”, T đã thu được số tiền 5.400.000 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam, chà đạp lên phẩm giá con người, làm cho những giá trị thiêng liêng và khuôn khổ đạo đức dần mất đi, xúc phạm đến lòng tự tôn dân tộc, là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh xã hội, gián tiếp ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, sức khỏe con người và hạnh phúc của các gia đình. Các bị cáo nhận thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý thực hiện, nên các bị cáo cần phải được trừng trị nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Đánh giá về vị trí vai trò, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo T là người có trách nhiệm quản lý nhà nghỉ, đã chủ động bảo H tìm gái mại dâm về làm cho T, trực tiếp thực hiện và chỉ đạo H bố trí sắp xếp cho Thúy bán dâm tại nhà nghỉ, nên giữ vai trò số một trong vụ án. Bị cáo H là người thực hành tích cực, H chính là người dẫn gái mại dâm đến nhà nghỉ giới thiệu cho T, trực tiếp bố trí sắp xếp việc mua bán dâm cho khách tại nhà nghỉ, nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T. Nhân thân bị cáo T đã 2 lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T đã tác động gia đình tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất chính, hoàn cảnh gia đình bị cáo bố mẹ đều mất sớm, con nhỏ, bị cáo là lao động chính, nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Như vậy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, còn bị cáo H tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, chưa được hưởng lợi, nên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS

cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với các đối tượng mua, bán dâm là NLC1, NLC3, NLC4, NLC2, hành vi của các đối tượng này không cấu thành tội phạm nên Công an tỉnh Nam Định đã ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[6] Đối với chị NLQ do quá trình kinh doanh nhà nghỉ Huệ đã giao toàn bộ cho Trần Ngọc T quản lý, điều hành. Việc T tự ý nuôi gái mại dâm NLC1 tại nhà nghỉ và bố trí Thuý bán dâm cho khách mới xảy ra trong phạm vi 3 ngày, nên Huệ không biết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Huệ mà xử phạt hành chính về hành vi thiếu tinh thần, trách nhiệm trong quản lý giám sát hoạt động kinh doanh nhà nghỉ là phù hợp.

[7] Bùi Đức H có hành vi đưa gái mại dâm đến giới thiệu cho T để làm gái mại dâm, tuy nhiên do NLC1 tự nguyện nhờ H đưa đến xin làm tại nhà nghỉ của T, giữa T và H không thỏa thuận gì về việc trả tiền hoặc lợi ích vật chất cho H khi đưa gái mại dâm đến nhà nghỉ của T. Do đó, hành vi của H không cấu thành tội “Mua bán người”, nên Công an tỉnh Nam Định không xử lý đối với H về hành vi này là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Ngọc T giữ vai trò đầu vụ, phạm tội với mục đích tư lợi, cần áp dụng khoản 5 Điều 327 BLHS phạt tiền đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tăng cường áp lực của việc ngăn chặn phòng ngừa tội phạm. Đối với bị cáo Bùi Văn H là đồng phạm giúp sức, thực tế chưa được hưởng lợi, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H.

[9] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Trần Ngọc T đã thu lời bất chính số tiền 5.400.000đ từ hành vi chứa mại dâm cần phải truy thu sung quỹ Nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động màu đen bạc có chữ VTRETU của Trần Ngọc T không liên quan đến hành vi phạm tội tuyên trả lại cho bị cáo T, số tiền 3.830.000đ (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) của Trần Ngọc T là số tiền bị cáo khai bị cáo thu được từ hành vi kinh doanh nhà nghỉ và chứa mại dâm, tuy nhiên do gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 5.400.000đ bị cáo thu lời bất chính, nên tuyên trả lại cho bị cáo số tiền đã thu giữ, nhưng tiếp tục quản lý số tiền 3.830.000đ và điện thoại của bị cáo T để bảo đảm thi hành án; đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen xám, một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng xám của Bùi Đức H không liên quan đến hành vi phạm tội tuyên trả lại cho bị cáo H; tuyên trả cho bị cáo Trần Ngọc T và chị NLQ 01 hợp đồng thuê nhà; đối với các vật chứng còn lại không còn giá trị, nên tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327 của BLHS,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc T và Bùi Đức H phạm tội “Chứa mại dâm”;

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, các Điều 17, 58 của BLHS, xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 3 (Ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06/6/2019;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, các Điều 17, 58 của BLHS, xử phạt: Bị cáo Bùi Đức H 2 (Hai) năm 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06/6/2019;

3. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 327 BLHS, phạt tiền bị cáo Trần Ngọc T 10 (mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước;

4. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) của Trần Ngọc T. (Đối trừ vào số tiền gia đình bị cáo T đã nộp tại biên lai số 0001347 ngày 01/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định);

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS,

Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T và chị NLQ một Hợp đồng thuê nhà (đang lưu tại hồ sơ vụ án);

Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T 01 điện thoại di động màu đen bạc có chữ VTRETU; số tiền 3.830.000đ (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án;

Tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Đức H 01 điện thoại di động Nokia màu đen xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng xám;

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng còn lại.

(Trừ Hợp đồng thuê nhà lưu tại hồ sơ, còn các vật chứng khác đang được quản lý tại kho vật chứng của Cục thi hành án tỉnh Nam Định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 64/19 ngày 26/8/2019 và ủy nhiệm chi số 31 ngày 27/8/2019 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án tỉnh Nam Định).

6. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 20/12/2019

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

Vớ i Hộ i đ ò ng xột xử sơ thắ m gồ m cú:

Thắ m phỏn - Chủ toạ phiên tũa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Cốc Hộ i thắ m: ểng

ểng

Tiến hà nh nghị ỏn vụ ỏn hỏnh sự sơ thắ m thụ lý số đ ố i vớ i bị
cỏo

Căn cứ Điều u 299 và Điều u 326 củ a Bộ luật Tố tụng Hỏnh sự;

Căn cứ cốc chứng cứ và tài liệu đ ố đ ượ c xem xột tạ i phiên tũa, kết
quả tranh tụng tạ i phiên tũa, cốc quy đ ị nh củ a phỏp luật.

**HỘI ĐỒNG XẤ T XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT Đ Ị NH C Ắ C VẤN ĐỀ CỦA VỤ Ắ N NHƯ SAU:**

Quan điể m ông

1. Tuyên bố:
2. Xử phạt: Bị cáo
3. Trách nhiệm dân sự
4. Xử lý vật chứng:
5. Án phí:

Tuyên nghĩ a vụ thi hà nh ỏn và biệ n phỏp bảo đ ả m thi hà nh ỏn

Quan đ iể m ụng và : Nhắ t trở quan đ iể m ụng

Hộ i đ ò ng xột xử biể u quyế t 3/3 ý kiế n nhắ t trở vớ i nội dung tròn.

Việ c nghị ỏn kết thỳc và o hồ i giờ 00 phỳt cụng ngà y

Biờn bản nghị ỏn đ ố đ ọ c lạ i cho tất cả thà nh viờn Hộ i đ ò ng xột xử
cụng nghe và ký tòn dư ớ i đ ố y.

TH Ắ NH VI Ắ N HỘI ĐỒNG XẤ T XỬ THẮ M PH Ắ N - CHỦ TOẠ PHI Ắ N TOÀ